TÒA ÁN NHÂN DÂN
NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BẢO LÂM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ

Số: 04/2023/QĐST-HNGĐ

Bảo Lâm, ngày 03 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 02/2023/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị T, sinh ngày 26/8/1996

Nơi cư trú: S, Q, L, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh T1, sinh ngày 20/5/1992.

Nơi cư trú: N, L1, L, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1.

[2]. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh T1 thỏa thuận tự nguyện thuận tình ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân.

- *Về Con chung*: Chị T và anh T1 có 01 người con chung có tên gọi cụ thể như sau: Ma Lục Trúc L3, sinh ngày: 24/01/2019.

Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị T tại: S, Q, L, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi ly hôn, hai vợ chồng thỏa thuận, thống nhất là cho vợ (chị T) được trực tiếp nuôi con, chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đến khi cháu L3 đủ 18 tuổi tròn. Anh T1 có quyền thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. ***Về tài sản chung:*** Từ khi sống chung với nhau chị T và anh T1 không tạo lập tài sản chung và riêng, các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản: Không có tài sản cho vay và không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. ***Về án phí:*** Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Chị T và anh T1 phải chịu mỗi người 75.000đ tiền án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, chị T đã tự nguyện nộp thay án phí cho anh T1 75.000đ. Chị T còn được hoàn lại 150.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp. *(Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 0001540 ngày 20/02/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự L, tỉnh Cao Bằng)*.

Các đương sự đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND Q;
- UBND L1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nông Đức Thọ